

**TÒA ÁN NHÂN DÂN
HUYỆN TÂN T - TỈNH
LONG AN**

**CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM
Độc lập - Tự do - Hạnh phúc**

Bản án số: 39/2019/HNGĐ-ST

Ngày: 27/11/2019

Về việc: “Ly hôn”

**NHÂN DANH
NƯỚC CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM
TÒA ÁN NHÂN DÂN HUYỆN TÂN T - TỈNH LONG AN**

- Thành phần Hội đồng xét xử sơ thẩm gồm có:

Thẩm phán – Chủ tọa phiên tòa: Bà Nguyễn Thị Ngọc Ánh.

Hội thẩm nhân dân: 1. Ông Võ Thanh Hải.

2. Bà Trần Thị Kim Oanh.

- Thư ký Tòa án ghi biên bản phiên tòa: Bà Đỗ Thị Hiếu Ly – Công chức Tòa án nhân dân huyện Tân T.

Ngày 27 tháng 11 năm 2019 tại Trụ sở tòa án nhân dân huyện Tân T xét xử sơ thẩm công khai vụ án hôn nhân gia đình thụ lý số: 189/2019/TLST- HNGĐ ngày 05/9/2019 về việc “Ly hôn” theo Quyết định đưa vụ án ra xét xử số 40/2019/QĐST-HNGĐ, ngày 23/10/2019 và Quyết định hoãn phiên tòa số 20/2019/QĐST-HNGĐ, ngày 08/11/2019, giữa các đương sự:

1. **Nguyên đơn: Chị Nguyễn Thị Kim T**, sinh năm 1986 (có mặt)

Địa chỉ: ấp Đá B, xã Kiến B, huyện Tân T, tỉnh Long An

2. **Bị đơn: Anh Nguyễn Chí T**, sinh năm 1983

Địa chỉ: ấp Đá B, xã Kiến B, huyện Tân T, tỉnh Long An

(Bị đơn vắng mặt mà không phải vì sự kiện bất khả kháng hoặc do trở ngại khách quan).

NỘI DUNG VỤ ÁN

Theo đơn khởi kiện yêu cầu ly hôn và bản tự khai của bà Nguyễn Thị Kim T trình bày nội dung vụ kiện như sau:

Chị T và anh T cưới nhau năm 2004, đến tháng 3 năm 2017 đăng ký kết hôn. Sau khi kết hôn, thời gian đầu giữa vợ chồng chung sống với nhau rất hạnh phúc.

Đến thời gian khoảng 3 năm nay, giữa vợ chồng chị có nhiều mâu thuẫn với nhau. Nguyên nhân mâu thuẫn do chồng của chị có nhiều thay đổi: tính tình cáu gắt, nhậu nhẹt bê tha, mỗi lần nhậu về thì gây gỗ, ngược đãi, đánh đập, hành hạ vợ con. Từ đó vợ chồng chị thường xuyên xảy ra mâu thuẫn, có nhiều bất hòa, bất đồng quan điểm trong cuộc sống. Vì thương con nên chị cố gắng nhẫn nhịn để duy trì hôn nhân, nhằm để anh T sẽ sửa đổi. Tuy nhiên, sau đó anh T vẫn không sửa đổi. Do đó, chị xét thấy cuộc sống vợ chồng không hạnh phúc, mâu thuẫn không khắc phục được nên yêu cầu Tòa án giải quyết cho chị được ly hôn với anh Nguyễn Chí T

- *Về con chung*: Có 03 con chung là Nguyễn Thanh Ph, sinh ngày 28/11/2005 và Nguyễn Tấn v, sinh ngày 06/6/2008, và Nguyễn Thị Cẩm T, sinh năm 08/4/2010. Khi ly hôn, bà Thảo xin tòa giải quyết theo nguyện vọng của các con, con theo ai thì người đó có trách nhiệm nuôi dưỡng

- *Về tài sản chung, nợ chung*: không có, không yêu cầu Tòa giải quyết.

Bị đơn anh Nguyễn Chí T đã được Tòa án tổng đạt hợp lệ thông báo về việc thụ lý vụ án, thông báo về việc mở phiên họp kiểm tra việc giao nộp, tiếp cận, công khai chứng cứ và hòa giải lần thứ nhất vào ngày 05/09/2019; thông báo về việc mở phiên họp kiểm tra việc giao nộp, tiếp cận, công khai chứng cứ và hòa giải lần thứ hai vào ngày 26/9/2019. Nhưng tại hai buổi tòa án tổ chức hòa giải: lần 1 vào lúc 08 giờ 00 phút, ngày 26/9/2019 và lần 2 vào lúc 08 giờ 00 phút, ngày 15/10/2019 nhưng anh T cố tình vắng mặt không lý do. Do đó trong hồ sơ vụ án không thể hiện ý kiến của anh T.

Tại phiên tòa: nguyên đơn vẫn giữ nguyên yêu cầu xin ly hôn với bị đơn.

NHẬN ĐỊNH CỦA TÒA ÁN:

Sau khi nghiên cứu các tài liệu chứng cứ có trong hồ sơ vụ án được thẩm tra tại phiên tòa. Căn cứ vào kết quả tranh luận tại phiên tòa. Hội đồng xét xử nhận định:

[1] Về thủ tục tố tụng: Tại phiên tòa bị đơn anh T vắng mặt. Nhưng xét thấy Tòa án đã tiến hành tổng đạt hợp lệ Quyết định đưa vụ án ra xét xử số: 40/2019/QĐST-HNGĐ, ngày 23/10/2019 cho anh T, tại phiên tòa vào lúc 08 giờ 00 phút, ngày 08/11/2019 anh T vắng mặt lần thứ nhất không lý do. Tòa án đã có quyết định hoãn phiên tòa số: 20/2019/QĐST-HNGĐ, ngày 08/11/2019 và cũng đã tiến hành tổng đạt hợp lệ quyết định hoãn phiên tòa cho anh T. Tại phiên tòa hôm nay ngày 27/11/2019 anh T vẫn vắng mặt mà không phải vì sự kiện bất khả kháng

hoặc do trở ngại khách quan. Do đó căn cứ vào quy định tại điểm b khoản 2 Điều 227, khoản 3 Điều 228 Bộ luật tố tụng dân sự năm 2015. Tòa án tiến hành xét xử vụ án vắng mặt bị đơn.

[2] Về hôn nhân: Chị T và anh T kết hôn năm 2017, đăng ký kết hôn tại UBND xã Kiên B, nên cuộc hôn nhân của Chị T và anh T là hôn nhân hợp pháp. Theo như Chị T trình bày trong quá trình giải quyết vụ án và tại phiên tòa thì trong thời gian chung sống anh T thường xuyên nhậu nhẹt, ngược đãi, đánh đập, hành hạ vợ con, từ đó vợ chồng chị thường xuyên xảy ra mâu thuẫn có nhiều bất hòa, bất đồng quan điểm trong cuộc sống. Nhận thấy không thể sống chung được nữa nên Chị T yêu cầu Tòa án cho chị được ly hôn.

Tại phiên Tòa Chị T cương quyết xin ly hôn. Anh T cố tình vắng mặt không lý do từ khi Tòa án thụ lý vụ án cho đến phiên tòa hôm nay, nên không thể hiện ý kiến. Xét thấy thời gian giữa chị Thảo và anh T chung sống có nhiều mâu thuẫn, tình cảm không còn, hôn nhân lâm vào tình trạng trầm trọng, đời sống chung không thể kéo dài, mục đích hôn nhân không đạt được. Do đó việc chấp nhận yêu cầu ly hôn của Chị T là có căn cứ theo quy định tại khoản 1 Điều 56 của Luật hôn nhân và gia đình.

[3] Về con chung: Chị T trình bày giữa Chị T và anh T có 03 con chung là cháu Nguyễn Thanh Ph, sinh ngày 28/11/2005; cháu Nguyễn Tấn v, sinh ngày 06/6/2008 và Nguyễn Thị Cẩm T, sinh năm 08/4/2010. Khi ly hôn, Chị T xin tòa giải quyết theo nguyện vọng của các con, con theo ai thì người đó có trách nhiệm nuôi dưỡng.

Căn cứ vào khoản 2 điều 81 luật Hôn nhân gia đình quy định: “Vợ, chồng thỏa thuận về người trực tiếp nuôi con, nghĩa vụ, quyền của mỗi bên sau khi ly hôn đối với con; trường hợp không thỏa thuận được thì Tòa án quyết định giao con cho một bên trực tiếp nuôi căn cứ vào quyền lợi về mọi mặt của con; nếu con từ đủ 07 tuổi trở lên thì phải xem xét nguyện vọng của con.”

Thấy rằng trong thời gian Chị T và anh T sống ly thân, Chị T trực tiếp nuôi cháu P, cháu V. Anh T trực tiếp nuôi cháu T. Cháu P, cháu V có văn bản trình bày ý kiến đề nghị được sống với mẹ, cháu T có văn bản trình bày cháu T có nguyện vọng sống với cha. Tuy nhiên, trong quá trình Tòa án giải quyết vụ án thì anh T giao cháu Nguyễn Thị Cẩm T cho Chị T trực tiếp nuôi dưỡng. Cháu T có văn bản trình bày ý kiến cũng như tại phiên tòa, nguyện vọng của cháu muốn sống với mẹ. Như vậy, theo nguyện vọng của cháu P, cháu V, cháu T thể hiện tại bản tự khai thì cháu P, cháu V, cháu T có nguyện vọng được sống với Chị T. Xét nguyện vọng của các cháu và hiện tại cháu P, cháu V, cháu T đang do Chị T trực tiếp nuôi

đưỡng. Chị T đồng ý trực tiếp nuôi con nên giao cho Chị T tiếp tục nuôi dưỡng con chung. Về phần cấp dưỡng nuôi con, tại phiên tòa, chị Thảo không yêu cầu anh T cấp dưỡng nuôi con. Do đó, Hội đồng xét xử không xem xét.

[4] Về tài sản chung và nợ chung: Chị T trình bày không có, không yêu cầu giải quyết nên không đề cập.

[5] Về án phí: Chị T phải chịu án phí hôn nhân gia đình sơ thẩm theo quy định của Nghị quyết số 326/2016/UBTVQH14 ngày 30/12/2016 của Ủy ban thường vụ Quốc hội quy định về mức thu, miễn, giảm, thu, nộp, quản lý và sử dụng án phí và lệ phí Tòa án.

Vì các lẽ trên,

QUYẾT ĐỊNH:

Áp dụng khoản 1 Điều 28; điểm a khoản 1 Điều 35; điểm a khoản 1 Điều 39, khoản 4 Điều 147, điểm b khoản 2 Điều 227, khoản 3 Điều 228 Bộ luật Tố tụng dân sự.

Áp dụng Điều 51; Điều 56, các Điều 81, 82, 83, 84 của Luật Hôn nhân và gia đình.

Áp dụng khoản 5 Điều 27 Nghị quyết số 326/2016/UBTVQH14 ngày 30 tháng 12 năm 2016 của Ủy ban thường vụ Quốc hội quy định về mức thu, miễn, giảm, thu nộp, quản lý và sử dụng án phí, lệ phí Tòa án

Tuyên xử: Chấp nhận yêu cầu khởi kiện của chị Nguyễn Thị Kim T

1. Về hôn nhân: Chị Nguyễn Thị Kim T được ly hôn với anh Nguyễn Chí T.
2. Về con chung: chị Nguyễn Thị Kim T được trực tiếp nuôi dưỡng, chăm sóc, giáo dục 03 con chung tên Nguyễn Thanh Ph, sinh ngày 28/11/2005; Nguyễn Tấn v, sinh ngày 06/6/2008; Nguyễn Thị Cẩm T, sinh năm 08/4/2010. Chị Nguyễn Thị Kim T không yêu cầu anh Nguyễn Chí T cấp dưỡng nuôi.

Bên không nuôi con có quyền, nghĩa vụ thăm nom, chăm sóc con chung không ai được quyền ngăn cản. Trong trường hợp có yêu cầu của cha, mẹ hoặc cá nhân, tổ chức được quy định tại khoản 5 Điều 84 Luật Hôn nhân và gia đình, Tòa án có thể quyết định việc thay đổi người trực tiếp nuôi con.

3. Về án phí: chị Nguyễn Thị Kim T phải chịu 300.000 đồng án phí khi ly hôn. Chuyển 300.000 đồng tiền tạm ứng án phí Chị T đã nộp theo biên lai thu số

0000586, ngày 05/9/2019 của Chi cục Thi hành án dân sự huyện Tân T sang án phí.

Án xử sơ thẩm công khai có mặt nguyên đơn, nguyên đơn được quyền kháng cáo trong thời hạn 15 ngày kể từ tuyên án. Bị đơn vắng mặt có quyền kháng cáo trong hạn 15 ngày kể từ ngày nhận được bản án hoặc bản án được niêm yết.

Nơi nhận

- Toà án tỉnh Long An;
- VKS huyện Tân T;
- THA huyện Tân T;
- UBND cấp xã nơi ĐKKH;
- Các đương sự;
- Lưu HS.

TM. HỘI ĐỒNG XÉT XỬ
Thẩm phán – Chủ tọa phiên toà

Nguyễn Thị Ngọc Ánh